

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Dương Đức Tính

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KL, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Văn L chung sống với nhau vào năm 2010, nhưng đến ngày 29/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KL, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, ông L thường chửi bà vô cớ và đuổi bà ra khỏi nhà nên bà về nhà mẹ ruột bà ở từ tháng 03/2023 đến nay. Hiện tại vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 15/6/2011 và cháu Trịnh Khả N, sinh ngày 19/02/2015. Hiện tại bà đang nuôi dưỡng cháu B và cháu N. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu B và cháu N, bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Bà C và ông L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian gần đây hai người đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chung sống không được hạnh phúc, ông L thường mắng chửi bà C vô cớ và đuổi bà C ra khỏi nhà nên bà C về nhà mẹ ruột ở từ tháng 03/2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải nhưng ông L không có thiện chí hòa giải hàn gắn, không tham gia hòa giải và không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà C. Mâu thuẫn giữa bà C và ông L đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông L.

Về con chung: Bà C và ông L có hai con chung là cháu B và cháu N như bà C trình bày. Hai cháu đang chung sống với bà C, hai cháu có nguyện vọng được chung sống với bà C, bà C có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu nên đề nghị giao hai cháu cho bà C nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng, bà C yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng, mức cấp dưỡng này phù hợp với quy định và điều kiện hiện nay của ông L nên buộc ông L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định giữa bà và ông L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trịnh Văn L vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Nguyễn Kim C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông L và bà C.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim C và ông Trịnh Văn L chung sống với nhau vào năm 2010, nhưng đến ngày 29/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KL, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông L được xác lập hợp pháp, thể hiện là hai người tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian gần đây giữa bà C và ông L có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, do chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay là thực tế có diễn ra. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay hai bên không thể dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả, ông L không tham gia hòa giải và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà C. Hiện tại quan hệ hôn nhân giữa hai người đã L vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho hai người được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà C và ông L có hai con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 15/6/2011 và cháu Trịnh Khả N, sinh ngày 19/02/2015. Cháu B và cháu N chưa thành

niên, hiện tại hai cháu đã trên 07 tuổi hai cháu có nguyện vọng được chung sống với bà C, đồng thời bà C đang nuôi dưỡng hai cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của hai cháu đã ổn định, do đó giao hai cháu cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai cháu mà không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà C yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu B và cháu N mỗi cháu hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng. Xét thấy, ông L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng bà C yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với khả năng thực tế của ông L, cũng như nhu cầu thiết yếu để nuôi hai cháu nên mức cấp dưỡng bà C yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B và cháu N mỗi cháu hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B và cháu N tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Bà C xác định giữa bà và ông L không có tài sản chung và nợ chung, không ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Bà C là người khuyết tật có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông L chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim C được ly hôn với ông Trịnh Văn L.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 15/6/2011 và cháu Trịnh Khả N, sinh ngày 19/02/2015 cho bà Nguyễn Kim C tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trịnh Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trịnh Gia B và cháu Trịnh Khả N mà không ai được cản trở.

Ông Trịnh Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Gia B và cháu Trịnh Khả N mỗi cháu hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2024 cho đến khi cháu Trịnh Gia B và cháu Trịnh Khả N tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Nguyễn Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trịnh Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Trịnh Văn L chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Kim C và ông Trịnh Văn L vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- UBND xã KL,  
huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

**Bùi Văn Việt**















